

Bản án số: 277/2019/HC-PT

Ngày: 22/10/2019

*“V/v khiếu kiện Quyết
định hành chính”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Mai Anh Tài.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại H, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc khởi kiện “Khiếu kiện quyết định hành chính”. Do Bản án số: 153/2018/HC-ST ngày 25 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9590/2019/QĐPT ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, quận Z, thành phố H. Vắng mặt.

Có mặt người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn A: Bà Nguyễn Thị A1; Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, quận Z, thành phố H.

*** *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân quận Z.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Z.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 4285/QĐ-UBND ngày 17/10/2019). Vắng mặt, có văn bản số 2160/UBND ngày 21/10/2019 trình bày quan điểm và đề nghị xét xử vắng mặt.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân phường Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – Phó Chủ tịch UBND phường Y. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần Thương mại C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C1. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1 đường G, quận Z, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ngày 15/6/2016, UBND quận Z ban hành Quyết định số: 3174/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án *Đổi ứng BT tại khu chức năng đô thị K, phường Y, quận Z*” (sau đây viết tắt là Quyết định thu hồi đất số 3174/QĐ-UBND) và Quyết định số: 3224/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 “*về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu đất để thực hiện dự án: Đổi ứng BT tại khu vực chức năng đô thị K phường Y, quận Z*” (sau đây viết tắt là Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3224/QĐ-UBND), có nội dung thu hồi 723,6m² đất nông nghiệp của gia đình ông Nguyễn Văn A và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 888.591.360 đồng.

Ông Nguyễn Văn A khiếu nại yêu cầu UBND quận Z thu hồi các Quyết định nêu trên để ông được thỏa thuận mức bồi thường với chủ đầu tư dự án. Ngày 13/9/2016, Chủ tịch UBND quận Z ban hành Quyết định số 5358/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông A.

2. Ngày 04/5/2016, ông Nguyễn Văn A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy các Quyết định thu hồi đất số 3174/QĐ-UBND, Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 3224/QĐ-UBND và hủy Quyết định số: 5358/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận Z giải quyết khiếu nại.

Nội dung đơn khởi kiện và lời khai của ông Nguyễn Văn A trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Gia đình ông không đồng ý với phương án bồi thường với lý do: UBND quận Z áp dụng giá đất 201.600đ/m² tại Bảng giá đất được quy định tại Quyết định 96/2014/QĐ- UBND để áp giá bồi thường về đất là không đúng quy định của pháp luật. Việc xác định giá đất để bồi thường phải thực hiện theo khoản 3 và được áp dụng bồi thường theo điểm đ khoản 4 điều 114 Luật đất đai. Giá đất phải được xác định theo điều 112 Luật đất đai. Việc bồi thường, hỗ trợ phải do chủ đầu tư dự án thỏa thuận với chủ sử dụng đất để được cho chủ đầu tư dự án thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án để thực hiện dự án hoặc theo hình thức khác phù hợp với Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn.

Mặc dù đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao đất nhưng do không đồng ý với mức tiền hỗ trợ, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số nêu trên và yêu cầu UBND quận Z bồi thường với giá 10.000.000đ/m²

3. Chủ tịch và UBND quận Z có quan điểm như sau:

- Căn cứ pháp lý thực hiện dự án *Đổi ứng BT tại khu chức năng đô thị K, phường Y, quận Z*.

Ngày 21/01/2011, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 344/QĐ-UBND về việc chấp thuận thông qua hồ sơ đề xuất dự án và chỉ định nhà đầu tư

dự án Cải tạo môi trường Hồ 2 - quận K theo hình thức hợp đồng Xây dựng-chuyển giao (BT).

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố H, ngày 10/8/2015, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3815/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh đề xuất Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống cống nổi thông Hồ 1, Hồ 2 và Hồ 3 theo hình thức hợp đồng BT (trước đây là dự án Cải tạo môi trường Hồ 2 theo hình thức hợp đồng BT đã được UBND thành phố thông qua đề xuất tại Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 21/01/2011), có nội dung: “Nhà đầu tư được tạo điều kiện triển khai lập và thực hiện Dự án khác với quy mô, phạm vi ranh giới thuộc phạm vi quỹ đất 9.9 ha trên địa bàn phường Y, quận Z thuộc đồ án Quy hoạch chi tiết chức năng đô thị K đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Ngày 21/8/2015, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4180/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị K, tỷ lệ 1/500, có nội dung: “Dự án đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng BT của Công ty Cổ phần thương mại C đã được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương và là cơ sở pháp lý để chính quyền địa phương quản lý xây dựng theo quy hoạch”; “Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị K, tỷ lệ 1/500 được duyệt là cơ sở để triển khai thực hiện Dự án đối ứng (xác định quỹ đất đối ứng) theo hình thức hợp đồng Xây dựng- Chuyển giao (BT) của Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống cống nổi thông Hồ 1, hồ Đầu Bàng và Hồ 3, quận K đã được UBND thành phố chấp thuận điều chỉnh tại Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 10/8/2015, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của thành phố H”.

Ngày 06/10/2015, UBND thành phố H phê duyệt Quyết định số 5045/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2015 cấp huyện để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố H; ngày 19/4/2016, ban hành Quyết định số 1825/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 quận Nam Từ Liêm. Dự án Đối ứng BT tại khu chức năng đô thị K, phường Y, quận Nam Từ Liêm có tên trong danh mục thuộc Quyết định số 1825/QĐ-UBND: “Số thứ tự 59; Danh mục công trình dự án: Khu chức năng đô thị K; diện tích 13,75ha; Địa danh phường: Y”.

Ngày 27/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường H có Biên bản xác minh mốc giới (phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K, phường Y, quận Z với diện tích 99.764m² đất.

Ngày 02/12/2015, UBND thành phố H có Văn bản số 8645/UBND-TNMT về việc tổ chức thực hiện các thủ tục thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K, phường Y, quận Z, có nội dung chỉ đạo: “Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Z, Trung tâm phát triển quỹ đất H và Công ty cổ phần thương mại C tổ chức triển khai và giải quyết các thủ tục thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K, phường Y, quận Z theo quy định tại Điều 12, 13 Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố quy định về thu hồi đất, giao đất,

cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố H, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố”.

Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố: *“Đối với các dự án thu hồi đất theo Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai 2013, sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận địa điểm hoặc phê duyệt kết quả lựa chọn chủ đầu tư dự án có sử dụng đất hoặc phê duyệt chủ trương, dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách (trong đó đã xác định địa điểm, diện tích đất sử dụng), Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện xác định ranh giới khu đất thu hồi, ra thông báo thu hồi đất, phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm điểm”*

Khoản 1, điều 3, quy định ban hành kèm theo Quyết định 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H quy định *“Việc ban hành Quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, được thực hiện theo Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai 2013”*

Do vậy, người bị kiện xác định Dự án Đối ứng BT tại khu chức năng đô thị K, phường Y, quận Z thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, điều 62 Luật đất đai năm 2013.

- Việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 3174/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND quận Z.

Nguồn gốc đất: Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Quy (đã chết, đại diện là ông Nguyễn Văn A), sử dụng 723,6m² đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, đất đã được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1104. QSDĐ ngày 10.6.1998.

Việc thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng:

- Ngày 03/12/2015, UBND quận Z ban hành Thông báo thu hồi đất số 786; ngày 04/12/2015, có Quyết định số 5555/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 5556/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án; ngày 30/12/2015, Tổ công tác đã tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Hộ gia đình đã phối hợp với Tổ công tác và ghi nhận diện tích đất và tài sản trên đất theo Biên bản điều tra, xác minh số 139/BB-TCT của Tổ công tác.

Ngày 14/1/2016, UBND quận Z có Quyết định số 159/QĐ-UBND về việc chấp thuận giá đất cụ thể đối với đất nông nghiệp làm cơ sở tính tiền bồi thường, hỗ trợ tại dự án Đối ứng BT tại khu chức năng đô thị K phường Y, quận Z. Ngày 5/4/2016, Ủy ban nhân dân phường Y có Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 139/UBND-ĐC. Ngày 25/5/2016, Hội đồng bồi thường ban hành Thông báo số 263/TB-HĐ BTHT & TĐC và niêm yết công khai lấy ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn A. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ. Ngày 17/6/2016 UBND phường Y niêm yết công khai các Quyết định số:

3174/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 về việc thu hồi đất, Quyết định số: 3224/QĐ-UBND ngày 15/6/2016, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu đất để thực hiện dự án: Đối ứng BT tại khu vực chức năng đô thị K phường Y, quận Z của UBND quận Z tại trụ sở UBND phường Y và gửi đến hộ gia đình ông Nguyễn Văn A (ông A ký vào Biên bản giao nhận 2 quyết định nêu trên).

Ngày 22/6/2016 Trung tâm phát triển Quỹ đất H phối hợp cùng UBND phường Y, tổ công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng theo Quyết định 3224/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND quận Z. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A đã chấp hành nhận tiền và ký Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 22/6/2016.

Về việc giải quyết khiếu nại của ông A: Chủ tịch UBND quận Z đã thực hiện đúng quy trình, Phòng tài nguyên và môi trường quận Z có Báo cáo số 971/BC-TNMT ngày 12/9/2016 về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn A và Chủ tịch UBND quận Z ban hành Quyết định số: 5358/QĐ-UBND ngày 13/09/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn A đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn A.

4. Công ty cổ phần thương mại C có quan điểm: Công ty được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nhà ở tại Khu chức năng đô thị K, phường Y. Việc UBND quận Z ban hành Quyết định thu hồi đất là hợp pháp đúng quy định, việc khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ và không phù hợp với quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 153/2018/HC-ST ngày 25/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ: khoản 2 điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điều 157, khoản 1 điều 158, Điều 193, 194, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 28, 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 31 Luật Khiếu nại;

Điều 23, điều 62, điểm a khoản 2 điều 66, điều 69, điều 83 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ;

Điều 3 và từ Điều 29 đến Điều 33 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố H;

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đề nghị hủy Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND quận Z về việc thu

hồi đất thực hiện dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K phường Y đối với ông Nguyễn Văn A (đại diện hộ bà Nguyễn Thị Quy đã chết), Quyết định 3224/15.6.2016 của UBND quận Z phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K phường Y đối với hộ ông Nguyễn Văn A (đại diện hộ bà Nguyễn Thị Quy đã chết).

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đề nghị hủy Quyết định 5358/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND quận Z về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn A

3/ Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường với giá đất nông nghiệp bị thu hồi 10.000.000đ/m² của ông Nguyễn Văn A .

4/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ án phí hành chính được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nộp theo Biên lai số 9570 ngày 27-9-2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Ngày 07/12/2018, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn A là bà Nguyễn Thị A1 xác định người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Luật sư Nguyễn Văn A2 trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn A với nội dung: Việc thu hồi đất thực hiện Dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K phường Y không thuộc trường hợp Nhà nước đứng ra thu hồi, bồi thường mà theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 179 Luật đất đai 2013, thuộc trường hợp chủ đầu tư thỏa thuận với người có đất bị thu hồi. Mặt khác, UBND quận áp dụng Bảng giá đất theo Quyết định số 96/QĐ-UBND năm 2014 có hiệu lực đến 2019, nhưng hồ sơ thể hiện UBND không khảo sát giá đất, không có Quyết định phê duyệt giá đất hàng năm (năm 2016 không có) theo quy định của luật đất đai, mà thực hiện theo chỉ đạo của UBND thành phố để áp giá đất bồi thường là không đúng quy định của Luật đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, hủy Quyết định số 3174/QĐ-UBND, Quyết định 3224/15.6.2016 của UBND quận Z và Quyết định 5358/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND quận Z.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Dự án thuộc trường hợp xây dựng khu đô thị mới, Nhà nước thu hồi để phát triển kinh tế vì lợi ích công cộng, nên người khởi kiện cho rằng thuộc trường hợp chủ đầu tư và người có đất thu hồi tự thỏa thuận là không có cơ sở. Về giá đất bồi thường: UBND huyện Z đã có khảo sát giá đất không có sự biến động thay đổi nên căn cứ quy định của UBND thành phố H, áp dụng giá đất nông nghiệp làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia

định ông A theo Bảng giá đất là 201.600đồng/m², là phù hợp, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết vụ án hành chính, xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính; đã xác định đúng và đầy đủ người tham gia tố tụng.

- Kháng cáo của ông Nguyễn Văn A hợp lệ đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn A:

[2.1] Theo quy định tại Điều 66 và Điều 69 Luật đất đai, UBND quận Z là cơ quan có thẩm quyền Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất thu hồi. Do đó, UBND quận Z ban hành các Quyết định số 3174/QĐ-UBND và Quyết định số: 3224/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

[2.2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

- Dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K - Y được triển khai từ năm 2011 trên cơ sở Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 21/1/2011 về việc chấp thuận thông qua hồ sơ đề xuất dự án và chỉ định nhà đầu tư dự án Cải tạo môi trường Hồ 2-quận K theo hình thức hợp đồng Xây dựng- chuyển giao (BT) và Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh đề xuất Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống công nổi thông Hồ 1, Hồ 2 và Hồ 3 theo hình thức hợp đồng BT của UBND thành phố H và Nghị quyết 06/NQ-HĐND ngày 5/12/2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố H; Quyết định số 4180/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị K, tỷ lệ 1/500, Văn bản số 8645/UBND-TNMT ngày 02/12/2015 của UBND Thành phố H về việc tổ chức thực hiện các thủ tục thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K.

Do đó, căn cứ các văn bản nêu trên và Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H, thì dự án Đối ứng BT tại Khu chức năng đô thị K, phường Y là dự án phát triển kinh tế trong khu vực mở rộng của khu đô thị Tây Nam - phường Y, đã được UBND thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 nằm trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm d khoản 3 điều 62 Luật đất đai 2013, không phải dự án “*Kinh doanh thương mại*” thuộc trường hợp Nhà nước không đứng ra thu hồi, bồi thường như người khởi kiện yêu cầu,

nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Chủ đầu tư phải thỏa thuận với các gia đình có đất bị thu hồi, là đúng.

- Về giá đất làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ:

Tại Văn bản số 10114/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND thành phố H có nội dung cho phép UBND quận áp dụng giá đất nông nghiệp do UBND thành phố H ban hành có hiệu lực hàng năm để làm căn cứ lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ mà không phải làm thủ tục xác định lại giá đất nông nghiệp theo quy trình thủ tục hiện hành. Theo Văn bản số 2789/UBND-TNMT ngày 20/11/2018 của UBND quận Z gửi Tòa án nhân dân thành phố H thì UBND quận Z đã căn cứ kết quả điều tra khảo sát các giao dịch mua bán chuyển nhượng giá đất nông nghiệp trên địa bàn phường nơi có đất thu hồi không có biến động, không có giao dịch mua bán chuyển nhượng đất nông nghiệp nên UBND quận Z căn cứ Bảng giá đất nông nghiệp do UBND thành phố H ban hành để áp dụng tính bồi thường hỗ trợ tại địa bàn phường Y thuộc bờ tây (bên hữu) sông Nhuệ theo là 201.600đ/m².

Do đó, UBND quận Z đã xác định giá đất bồi thường theo quy định nêu trên, là có cơ sở nên yêu cầu của ông Nguyễn Văn A được bồi thường với giá đất nông nghiệp 10.000.000đ/m² là không có căn cứ chấp nhận.

Thực tế, UBND quận Z đã tiến hành bồi thường hầu hết cho các hộ bị thu hồi đất, đất của toàn bộ dự án đã được thu hồi giao cho các cơ quan thực hiện xong dự án. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A đã đồng ý ký nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và ký bàn giao đất tại Biên bản ngày 22/6/2016 trước sự chứng kiến của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tổng số 742.503.600 đồng (bao gồm hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm: 729.388.800 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống: 10.944.000đồng; Thưởng tiến độ: 2.170.80đồng; Bồi thường cây cối hoa màu: 210.000đồng).

[3] Đối với Quyết định số: 5358/QĐ-UBND ngày 13/09/2016 của Chủ tịch UBND quận Z về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn A, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Chủ tịch UBND quận Z ban hành Quyết định số: 5358/QĐ-UBND ngày 13/09/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn A là đảm bảo trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo đúng quy định tại Chương III Luật khiếu nại. Về nội dung giải quyết khiếu nại đã không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn A đối với Quyết định số 3174/QĐ-UBND, Quyết định số 3224/QĐ- UBND, là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 18, Điều 27 đến 29, Điều 31 Luật Khiếu nại 2011.

[4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về việc đề nghị hủy 3 Quyết định hành chính nêu trên và yêu cầu bồi thường với giá đất nông nghiệp bị thu hồi 10 triệu đồng/1m², là có căn cứ.

[5] Ông Nguyễn Văn A kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ chứng minh các Quyết định hành chính nêu trên là trái pháp luật xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông, nên cấp phúc thẩm không có cơ

sở chấp nhận kháng cáo. Đề nghị của đại diện VKSND cấp cao tại H về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 153/2018/HC-ST ngày 25/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng, được trừ tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0017008 ngày 24/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại H;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân Hương